

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2017

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

I. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại ITAXA:

1. Vốn chủ sở hữu:

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 251.116.831.153 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 0 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 316.801.986.600 đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế: 9.207.877.468 đồng.

4. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{11.461.047.220}{256.949.806.908} = 4,46\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0446 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{9.207.877.468}{256.949.806.908} = 3,58\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0358 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{9.207.877.468}{310.856.222.182} = 2,96\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0296 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{253.574.905.196 + 260.324.708.621}{2} = 256.949.806.908 \text{ đồng}$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{304.910.457.764 + 316.801.986.600}{2} = 310.856.222.182 \text{ đồng}$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA:

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): không.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B):

- Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh, Công ty Cổ phần Vi Ấn phù hợp với các quy định của pháp luật.



- Đã hoàn tất việc sáp nhập Công ty Cổ phần Vi Ấn vào Công ty Cổ phần Địa Sinh.

3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không

4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

+ Tình hình quản lý tài sản:

- * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.

+ Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu đến ngày 30/6/2017 là: 23.950.159.891 đồng.

Trong đó:

- * *Nợ phải thu khó đòi: 6.506.012.141 đồng.*
- * *Đã trích lập dự phòng: 4.543.486.675 đồng.*
- * *Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 53.440.490 đồng*

+ Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

- * Tổng số nợ phải trả đến ngày 30/6/2017 là: 56.447.277.979 đồng.

Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

- * Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{58.036.522.313}{45.542.128.597} = 1,27$$

$$\begin{aligned} \text{Khả năng thanh toán nhanh} &= \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}} \\ &= \frac{58.036.522.313 - 18.236.295.978}{45.542.128.597} = 0,87 \end{aligned}$$

Yee

* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{56.477.277.979}{260.324.708.621} = 21,69\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C):

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19) cm: 6 tháng năm 2017 đạt 10.351 triệu trang in đạt 41,40% so với kế hoạch, giảm 28,52% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 4.129 triệu trang in và giảm 13,32% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 1.591 triệu trang in.
2. Chỉ tiêu tài chính:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6 tháng năm 2017 là 70.658 triệu đồng đạt 42,46% so với kế hoạch, giảm 25,24% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 23.854 triệu đồng, giảm 14,26% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 11.751 triệu đồng.
 - Giá vốn hàng bán 6 tháng năm 2017 là 48.649 triệu đồng, giảm 24,32% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 15.632 triệu đồng, giảm 12,69% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 7.071 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng 6 tháng năm 2017 là 74 triệu đồng, giảm 26,35% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 26 triệu đồng, giảm 32,73% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 36 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng năm 2017 là 21.846 triệu đồng, tăng 13,13% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 2.535 triệu đồng, tăng 3,86% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 812 triệu đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng năm 2017 là 9.317 triệu đồng đạt 97,05% so với kế hoạch, tăng 172,85% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 5.903 triệu đồng, tăng 90,57% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 4.428 triệu đồng.
 - Thu nhập khác 6 tháng năm 2017 là 3.443 triệu đồng đạt 57,38% so với kế hoạch, tăng 13,29% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 404 triệu đồng, tăng 11,14% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 345 triệu đồng.
 - Chi phí khác 6 tháng năm 2017 là 1.388 triệu đồng, giảm 6,69% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 99 triệu đồng, giảm 26,25% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 494 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế 6 tháng năm 2017 là 11.461 triệu đồng, đạt 50,49% so với kế hoạch, giảm 27,40% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 4.326 triệu đồng, giảm 1,58 % so với 6 tháng năm 2016 tương đương 184 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2017 đạt 9.208 triệu đồng, đạt 48,98% so với kế hoạch, giảm 28,17% so với 6 tháng năm 2015 tương đương 3.611 triệu đồng, giảm 2,79% so với 6 tháng năm 2016 tương đương 264 triệu đồng.
3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).
 - Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 4,46%
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 3,58%

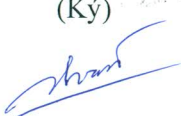
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

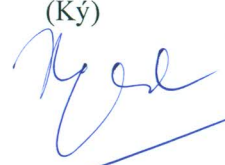
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

T T	Tên dự án	Quyết định phê duyet	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 30/06/2017			Giải ngân đến ngày 30/06/2017			Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2017	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày 30/06/2017	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A Các nhóm dự án A																		
1																		
B Các nhóm dự án B																		
1																		
C Các nhóm dự án khác																		

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Bùi Kế Hùng

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH 6 THÁNG NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của Cty con, Cty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Cty con, cty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016				
		Kế hoạch	Năm 2016	Tại thời điểm 30/6/2017	Kế hoạch	Năm 2016	Tại thời điểm 30/6/2017										
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16-15/5	17	17
I	Đầu tư vào công ty con																
	- Công ty CP Địa Sinh		9.500	22.785		62,01%	72,09%	27.400	31.605	43.306	47.062	2.004	2.788			4,74	0,26
	- Công ty CP Vi Ấn		13.285			81,58%				6.809	7.321	-211	179				
II	Đầu tư vào công ty liên kết																
III	Đầu tư tài chính khác																

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)Người lập biểu
(Ký)Kế toán trưởng
(Ký)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Bùi Kế Hùng

Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Nguyễn Đức Trọng

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng, triệu trang

Nội dung	6 tháng năm 2015	6 tháng năm 2016	Thực hiện 6 tháng năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện	6 tháng năm 2015	6 tháng năm 2016	Kế hoạch năm
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	14.480	11.942	25.000	10.351	71,48%	86,68%	41,40%
2.Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	14.480	11.942	25.000	10.351	71,48%	86,68%	41,40%
3.Tồn kho cuối kỳ							
B.Chỉ tiêu tài chính							
1.DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	94.510	82.406	166.400	70.658	74,76%	85,74%	42,46%
2.Giá vốn bán hàng	64.278	55.721		48.649	75,68%	87,31%	
3.LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.232	26.685		22.009	72,80%	82,48%	
4.Doanh thu hoạt động tài chính	3.415	4.889	9.600	9.317	272,85%	190,57%	97,05%
5.Chỉ phí tài chính	0	0	0	0	0,00%	0,00%	
6.Chỉ phí bán hàng	100	110		74	73,65%	67,27%	
7.Chỉ phí quản lý doanh nghiệp	19.310	21.035		21.846	113,13%	103,86%	
8.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.235	10.429		9.406	66,07%	90,19%	
9.Thu nhập khác	3.039	3.098	6.000	3.443	113,29%	111,14%	57,38%
10.Chỉ phí khác	1.487	1.882		1.388	93,31%	73,75%	
11.Lợi nhuận khác	1.552	1.216		2.055	132,45%	169,00%	
12.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.787	11.645	22.700	11.461	72,60%	98,42%	50,49%
13.Chỉ phí thuế TNDN hiện hành	2.968	2.173		2.253	75,92%	103,68%	
14.Chỉ phí thuế TNDN hoãn lại							
15.Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.819	9.472	18.800	9.208	71,83%	97,21%	48,98%

Hội đồng thành viên
(Ký, đóng dấu)

Bùi Kế Hùng

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Nguyễn Đức Trọng

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế	2.728.925.111	9.044.931.187	9.329.979.371	2.443.876.927
- Thuế GTGT	720.309.453	3.496.355.760	3.684.879.908	531.785.305
- Thuế TNDN	598.068.502	2.253.169.752	1.126.142.742	1.725.095.512
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	41.296.151	41.296.151	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	1.410.547.156	3.254.109.524	4.477.660.570	186.996.110
2. Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	266.710.473	-	266.710.473	-

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	22.454.831.575	13.310.000	6.733.761.500	15.734.380.075
3. Quỹ thưởng VCQLDN	360.886.750		287.497.500	73.389.250
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-



Bùi Kế Hùng

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu



Nguyễn Đức Trọng